TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST
Ngày: 27/4/2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Niềm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hiếu Đạo.

2. Bà Lê Thị Diễm Thi.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Lil - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2019/TLST-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXX-ST, ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Võ Văn K**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L 2, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông **Đỗ Văn B**, sinh năm 1960 (có mặt).

Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L 2, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Võ Văn K trình bày:

Vào năm 2017 anh Võ Văn K có bán vật tư nông nghiệp cho ông Đỗ Văn B và bà Lê Thị N nhiều lần sau khi kết toán lại thì ông B, bà N còn nợ số tiền 15.000.000đồng. Ngoài ra, ông B, bà N còn vay của anh K số tiền 80.000.000đồng. Đến ngày 22/11/2017 ông B, bà N trả cho anh K được số tiền 6.000.000đồng tiền mua bán vật tư nông nghiệp, còn lại 9.000.000đồng. Cũng trong ngày 22/11/2017 ông B và bà N cùng thống nhất cộng chung số tiền 9.000.000đồng mua bán vật tư nông nghiệp với số tiền vay 80.000.000đồng thành tiền vay, hai bên cùng lập biên nhận nợ tổng cộng 89.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, khi lập biên nhận nợ ông B và bà N hứa sẽ trả anh K trong thời hạn 04 tháng. Anh K nhiều lần yêu cầu ông B và bà N trả số tiền còn nợ nhưng ông B và bà N vẫn không thực hiện.

Tại phiên tòa, anh K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn B và bà Lê Thị N trả số tiền còn nợ là 89.000.000đồng và trả lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm từ ngày 22/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/4/2020, tính tròn là 29 tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị N thừa nhận còn nợ của Võ Văn K số tiền 89.000.000đồng tiền vốn. Ông B, bà N đồng ý trả số tiền vốn 89.000.000đồng và lãi suất theo quy định cho anh K nhưng xin trả mỗi vụ lúa 10.000.000đồng và trả dần cho đến khi hết nợ. Bị đơn Lê Thị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền vay 89.000.000đồng theo biên nhận nợ ngày 22/11/2017. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản"; căn cứ Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Lê Thị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt và dành quyền kháng cáo cho bị đơn Lê Thị N.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét thấy quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều xác định vào ngày 22/11/2017 ông B, bà N xác định sau khi kết toán tiền vật tư nông nghiệp thì phía ông B, bà N còn nợ anh K 15.000.000đồng. Ngoài ra, ông B, bà N còn vay của anh K số tiền 80.000.000đồng. Đến ngày 22/11/2017 ông B, bà N trả cho anh K 6.000.000đồng tiền mua bán vật tư nông nghiệp, còn lại 9.000.000đồng nên ông B và bà N cùng thống nhất cộng dồn với số tiền vay 80.000.000đồng thành một phần tiền chung là tiền vay, hai bên cùng lập biên nhận nợ số tiền 89.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, khi lập biên nhận nợ ông B và bà N hứa sẽ trả anh K trong thời hạn 04 tháng. Nhưng từ khi lập biên nhận nợ đến nay thì ông B và bà N chưa trả anh K số tiền nào.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc các bên cùng thống nhất gom số 9.000.000đồng mua bán vật tư nông nghiệp với số tiền vay 80.000.000đồng thành một phần tiền chung là tiền vay vào ngày 22/11/2017 là tự nguyện và có lập biên nhận, có chữ ký của ông B, bà N. Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên anh K khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 89.000.000đồng là hoàn toàn có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Trong biên nhận nợ thể hiện nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất mức lãi suất 1,5%/tháng. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm tương ứng với 0,83%/tháng. Hội đồng xét thấy, việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Võ Văn K yêu cầu ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị N phải chịu lãi suất trên số tiền vay 89.000.000đồng x 29 tháng = 21.422.300đồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Văn K. Buộc bị đơn ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Võ Văn K số tiền nợ tổng cộng là 110.422.300đồng (Trong đó tiền vốn là 89.000.000đồng và tiền lãi 21.422.300đồng).

[5] Án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị N phải chịu án phí giá ngạch là: 110.422.300đồng x 5% = 5.521.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357; Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 5, 6, 26, 35, 39, Điều 92, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn K.

2. Buộc ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Võ Văn K số tiền còn nợ là 110.422.300đồng (Một trăm mười triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm đồng); Trong đó tiền vốn là 89.000.000đồng (Tám mươi chín triệu đồng), tiền lãi là 21.422.300đồng (Hai mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị N phải chịu nộp 5.521.000đồng (Năm triệu, năm trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

Nguyên đơn anh Võ Văn K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.225.000đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000641 ngày 09/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn Võ Văn K, bị đơn Đỗ Văn B có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Lê Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Ngọc Niềm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Lưu.